**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**KHỐI 11 NĂM HỌC 2020-2021**

# MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 11 CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

**I . PHẦN ĐỌC – HIỂU**

**I.1 Các kiến thức chung 1/. Phong cách ngôn ngữ:**

- Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

- Phong cách ngôn ngữ báo chí

# 2/ Phương thức biểu đạt:

- Phương thức biểu đạt tự sự

- Phương thức biểu đạt miêu tả

- Phương thức biểu đạt biểu cảm

- Phương thức biểu đạt thuyết minh

- Phương thức biểu đạt nghị luận

- Phương thức biểu đạt hành chính – công vụ

# 3/ Các biện pháp tu từ:

**- Điệp từ/ngữ/cấu trúc:** Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ.

**- Đối** : Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa cho sự diễn đạt, nhằm thể hiện ý nghĩa nào đó.

**So sánh:** Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc

**- Ẩn dụ:** Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.

**- Nhân hóa:** Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người

**- Hoán dụ:** Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc

**- Nói giảm:** Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân

trọng.

**- Thậm xưng:** Tô đậm, phóng đại về đối tượng.

**- Câu hỏi tu từ:** Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định…)

**- Đảo ngữ:** Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên.

- **Phép liệt kê:** Liệt kê là cách sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp đồng loại (nhưng

khác nhau về từ ngữ) nhằm tạo ra những ý nghĩa bổ sung về mặt nhận thức hoặc thể hiện cách đánh giá, cảm xúc chủ quan về các sự vật được đưa ra.

# 4/ Các phép liên kết

***- Phép nối***-> Tác dụng: Liên kết câu, tạo nên quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu: quan hệ bổ sung, tương phản, nguyên nhân – hệ quả, thời gian.

***- Phép thế*** -> Tác dụng: Liên kết câu, tránh lặp từ ngữ.

***- Phép tỉnh lược***->Tác dụng: Liên kết câu, tránh lặp từ.

***- Phép lặp từ vựng***->Tác dụng: Liên kết câu, nhấn mạnh ý.

- Phép liên tưởng->Tác dụng: Liên kết các câu cùng hướng về chủ đề chính của văn bản, bộc lộ rõ nội dung.

# 5./ Các thể thơ:

- Các thể thơ truyền thống: lục bát (câu 6, câu 8); song thất lục bát (cặp câu 7, cặp câu 6- 8); ngũ ngôn Đường luật (ngũ ngôn tứ tuyệt – 5 tiếng 4 dòng; ngũ ngôn bát cú (5 tiếng 8 dòng); thất ngôn Đường luật (thất ngôn tứ tuyệt – 7 tiếng, 4 dòng; thất ngôn bát cú – 7 tiếng, 8 dòng)

- Các thể thơ hiện đại: 5 tiếng, 7 tiếng, 8 tiếng, hỗn hợp, tự do,…

# I.2. Các cấp độ kiến thức: 1/ Nhận biết (2 câu):

- Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ.

- Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ.

- Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,...trong bài thơ/đoạn thơ

# 2/ Thông hiểu: (1 câu)

-Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/ đoạn thơ.

- Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/ đoạn thơ.

# 3/ Vận dụng (1 câu):

-Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/ đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/ đoạn thơ.

- Rút ra thông điệp/ bài học cho bản thân.

- Phân biệt thơ hiện đại và thơ trung đại.

# II. LÀM VĂN

**II.1/ Kiến thức chung:**

1/ Kiến thức về viết đoạn văn, bài văn 2/ Các thao tác lập luận:

- Thao tác lập luận phân tích

- Thao tác lập luận so sánh

- Thao tác lập luận bình luận

- Thao tác lập luận bác bỏ

- Biết xác định các thao tác lập luận chính và vận dụng kết hợp các thao tác lập luận thích hợp để viết đoạn văn nghị luận xã hội và bài văn nghị luận văn học.

**II.2/** Vận dụng kiểu bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí, để viết đoạn văn khoảng 150 chữ về một vấn đề nào đó gợi ra từ yêu cầu của đề**.**

# II. 3/ Nghị luận văn học: (Kết hợp kiến thức, kĩ năng của phần Làm văn với tác phẩm đọc văn để viết bài văn nghị luận về đoạn thơ, bài thơ)

**A. Các cấp độ kiến thức:**

Nhận biết:

- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.

- Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.

- Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ.

Thông hiểu:

- Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề:tình cảm quê hương tư tưởng yêu nước; quan niệm thẩm mĩ và nhân sinh mới mẻ…; sự kế thừa các thể thơ truyền thống và hiện đại hóa thơ ca về ngôn ngữ, thể loại, hình ảnh,...

- Lí giải được một số đặc điểm của thơ hiện đại từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.

Vận dụng:

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật củabài thơ/đoạn thơ.

- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí,đóng góp của tác giả. Vận dụng cao:

- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.

# B. Nội dung ôn tập

**1. .Lưu biệt khi xuất dương** (Phan Bội Châu)

a. Tác giả (những nét chính về sự nghiệp, phong cách nghệ thuật)

b. Bài thơ:

\*Nội dung:

- Hai câu đề: Quan niệm mới mẻ về tuyên ngôn của kẻ làm trai

- Hai câu thực: Ý thức về vai trò, trách nhiệm của cá nhân trước cuộc đời; động viên, kêu gọi mọi người thực hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội.

- Hai câu luận: Gắn lẽ vinh - nhục của con người với sự tồn – vong của đất nước. Từ đó kêu gọi mọi người thay đổi, từ bỏ những điều xưa cũ, không còn phù hợp và tìm con đường mới để cứu nước.

- Hai câu kết: Tâm thế kì vĩ, khát vọng lớn lao trong buổi lên đường.

\*Nghệ thuật:

- Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật viết bằng chữ Hán

- Giọng thơ tâm huyết, mạnh mẽ

- Sự kết hợp của các phép tu từ: đối, ẩn dụ, câu hỏi tu từ,…

- Hình ảnh thơ kì vĩ, phi thường,…

**2. Hầu trời** (Tản Đà)

a. Tác giả (những nét chính về sự nghiệp, phong cách nghệ thuật)

b. Bài thơ:

\*Nội dung: “cái tôi” cá nhân – một “cái tôi” ngông, phóng túng, tự ý thức về tài năng, giá trị đích thực của mình và khao khát được khẳng định giữa cuộc đời

\* Nghệ thuật:

- Thể thơ thất ngôn trường thiên tự do

- Giọng điệu thoải mái, tự nhiên

- Ngôn ngữ giản dị, sống động, hóm hỉnh

**3. Vội vàng** (Xuân Diệu)

a. Tác giả (những nét chính về sự nghiệp, phong cách nghệ thuật)

b. Bài thơ:

\* Nội dung:

- Đoạn 1 (13 câu đầu): Tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết.

+ Bốn câu đầu: Niềm khao khát sống mãnh liệt, táo bạo và mới mẻ của NVTT

+ Chín câu tiếp: Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp qua sự cảm nhận độc đáo của nhà thơ

- Đoạn 2: ( Câu 14-29) Tâm trạng lo âu khắc khoải của tác giả về thời gian và sự ngắn ngủi, hạn hẹp của tuổi trẻ.

- Đoạn 3: ( Những câu thơ còn lại) Lời giục giã cuống quýt, vội vàng tận hưởng những giây phút của tuổi trẻ, của mùa xuân, cuộc đời.

\* Nghệ thuật:

- Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí.

- Cách nhìn, cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.

- Sử dụng ngôn từ; nhịp điệu dồn dập, sôi nổi, hối hả, cuồng nhiệt.

**2. Tràng giang** (Huy Cận)

a. Tác giả (những nét chính về sự nghiệp, phong cách nghệ thuật)

b. Tác phẩm:

\* Nội dung:

- Khổ 1: Nỗi buồn vì sự chia lìa, vô định (hình ảnh con thuyền nhỏ nhoi, lênh đênh, trôi dạt trên dòng sông rộng lớn gợi cảm giác buồn, cô đơn, xa vắng, chia lìa; cành củi khô trôi nổi gợi lên thân phận của những kiếp ngời nhỏ bé, bơ vơ giữa dòng đời).

- Khổ 2: Nỗi buồn vì sự tĩnh lặng, vắng vẻ, hiu quạnh (hình ảnh cồn nhỏ lơ thơ, không gian được mở rộng, hình ảnh bến đò không khách).

- Khổ 3: Nỗi buồn vì sự cô đơn, thiếu vắng sự sống (không cầu, không đò kết nối sự sống, chỉ có bờ xanh tiếp bãi vàng tiếp nối nhau).

- Khổ 4: Nỗi buồn vì nhớ quê hương (khung cảnh cảnh kì vĩ, nên thơ; tấm lòng thương nhớ quê hương tha thiết).

\* Nghệ thuật:

- Sự kết hợp hài hòa giữa sắc thái cổ điển và hiện đại.

- Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tinh tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu

cảm…

**3. Đây thôn Vĩ Dạ** ( Hàn Mặc Tử)

a. Tác giả (những nét chính về sự nghiệp, phong cách nghệ thuật)

b. Tác phẩm:

\* Nội dung:

- Khổ1: Thiên nhiên và con người hài hòa với nhau trong một vẻ đẹp kín đáo dịu dàng.

Thể hiện tình yêu và sự gắn bó của nhà thơ với xứ Huế.

- Khổ 2: Cảnh thiên nhiên với hình ảnh gió, mây chia lìa đôi ngả gợi nỏi buồn hiu hắt; dòng Hương trong đêm trăng lung linh, huyền ảo, vừa thực vừa mộng gợi tâm trạng vừa đau đớn, vừa khắc khoải, vừa khao khát cháy bỏng của nhà thơ.

- Khổ 3: Bóng người hiện lên mờ ảo, xa vời gợi sự hoài nghi nhưng lại chan chứa niềm tha thiết với cuộc đời.

\* Nghệ thuật:

- Trí tưởng tượng phong phú.

- Nghệ thuật so sánh, nhân hóa: thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ…

- Hình ảnh sáng tạo, có sự hòa quyện giữa thực và ảo. 4/ **Từ ấy (** Tố Hữu)

a. Tác giả (những nét chính về sự nghiệp, phong cách nghệ thuật)

b. Tác phẩm:

\* Khổ 1: Niềm vui sướng say mê khi gặp lí tưởng của Đảng

- Cột mốc là Từ ấy: mốc thời gian có ý nghĩa đặc biệt, 18 tuổi TốHữu được kết nạp Đảng. Lí tưởng cộng sản như một nguồn sáng mới làm bừng sang tâm hồn nhà thơ, một niềm vui sướng tràn ngâp, thế giới tâm hồn người thanh niên trẻ tuổi ấy tràn đầy sức sống, sự yêu đời, âm thanh rộn rã, màu sắc tươi vui. Với tư cách là một nhà thơ vẻ đẹp sức sống mới ấy cũng là vẻ đẹp và sức sống mới của hồn thơ. Cách mạng và nghệ thuật đã không hề đối lập nhau.

- Bằng bút pháp trữ tình, những hình ảnh ẩn dụ: *nắng hạ, mặt trời chân lí*; động từ *bừng, chói,* bptt so sánh… đã diễn tả niềm vui sướng vô hạn trong buổi đầu đến với lí tưởng cộng sản.

\* Khổ 2: Những nhận thức mới về lẽ sống

- Từ *cái tôi* cá nhân chủ nghĩa( quan niệm của giai cấp tư sản và tiểu tư sản- xuất thân của nhà thơ), khi được giác ngộ lí tưởng Tố Hữu đã đến với *cái ta* chung của mọi người, gắn bó hài hòa giữa *cái tôi cá nhân* và *cái ta* chung bằng thái độ tự nguyện, tình yêu thương với quần chúng lao khổ, tình cảm hữu ái giai cấp.

- Các bptt: hoán dụ, ẩn dụ, dùng động từ mạnh…nhà thơ khẳng định trong môi trường rộng lớn, mình thật sự thấy niềm vui và sức mạnh mới không chỉ trong nhận thức mà còn trong tình cảm mến yêu. Nhà thơ khẳng định mối liên hệ sâu sắc giữa văn học và cuộc sống mà đặc biệt là cuộc sống của quần chúng nhân dân .

\* Khổ 3: Sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm của Tố Hữu.

- Trước khi được giác ngộ lí tưởng TH là một thanh niên tiểu tư sản có phần đề cao *cái tôi*

cá nhân chủ nghĩa.

- Sau khi giác ngộ: Lí tưởng cộng sản đã giúp nhà thơ có được lẽ sống mới, biết vượt qua những tình cảm hẹp hòi, để có tình hữu ái giai cấp với quần chúng lao khổ. Tố Hữu đã trở thành: *con vạn nhà, em vạn kiếp phôi pha, anh vạn đầu em nhỏ*, một mối quan hệ trong tình thương yêu ruột thịt, mình đã là thành viên của đại gia đình ấy.

- Giọng thơ đồng cảm, các điệp từ *là*, kết hợp các từ: *con, em, anh* và số từ ước lệ *vạn*.. tất cả diễn tả tấm lòng chân thành của nhà thơ với nhân dân.

# 5. Chiều tối: ( Hồ Chí Minh)

a. Tác giả (những nét chính về sự nghiệp, phong cách nghệ thuật)

b. Tác phẩm:

\* Hai câu đầu: Bức tranh thiên nhiên chiều tối ở miền rừng núi:

+ Bức tranh thiên nhiên ấy: cao rộng, trong trẻo, êm ả nhưng có vẻ hiu quạnh. Nó được phác hoạ với những nét chấm phá: cánh chim mỏi, chòm mây cô đơn…

+ Bút pháp tả cảnh ngụ tình đã tạo nên sự tương đồng giữa thiên nhiên và tâm trạng người tù chuyển lao

 Qua bức tranh thiên nhiên thấy được: nghị lực, phong thái ung dung, tự do tự chủ về tinh thần của người chiến sĩ cách mạng, tình yêu thiên nhiên và sự nhạy cảm trong tâm hồn của nhà thơ.

\* Hai câu cuối: Bức tranh đời sống

+ Hình ảnh trung tâm là cô hái xay ngô bên lò than rực hồng, toát lên vẻ trẻ trung khoẻ

mạnh.

+ Biện pháp điệp vòng tạo sự nối âm liên hoàn diễn tả vòng quay động tác xay ngô đồng

thời thể hiện sự vận động của thời gian. Nhãn tự *hồng* đem đến cho bức tranh sự ấm áp

 Qua bức tranh đời sống cho thấy Bác quên đi cảnh ngộ vui cuộc sống…

\*Vẻ đẹp cổ điển và hiện đại hài hoà trong bài thơ

+ Cổ điển: thể thơ, bút pháp gợi tả chấm phá, nhãn tự…

+ Hiện đại: con người là trung tâm, mạch thơ vận động….

# III. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

**Phần I. Đọc - hiểu (3,0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau đây và thực hiện các yêu cầu:

………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………

…………….

**Câu 1*:* (0.75 điểm) *Nhận diện*** được một trong các nội dung sau:

- Đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/ đoạn thơ

- Phương thức biểu đạt, thể thơ trong bài thơ/ đoạn thơ

**Câu 2: (0.75 điểm) *Nhận diện*** được một trong các nội dung sau:

- Các biện pháp tu từ trong bài thơ/ đoạn thơ

- Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết trong bài thơ/ đoạn thơ

# Câu 3: (1.0 điểm)

-Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/ đoạn thơ.

- Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/ đoạn thơ.

**Câu 4: (0,5 điểm) *Từ nội dung phần trích đã dẫn, hãy***:

-Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/ đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/ đoạn thơ.

- Rút ra thông điệp/ bài học cho bản thân.

- Phân biệt thơ hiện đại và thơ trung đại.

# Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

**Câu 1** (2,0 điểm) ***Kiểm tra kĩ năng vận dụng kiến thức hiểu biết về đời sống xã hội*, để viết đoạn văn nghị luận về một tư tưởng đaọ lí (150 từ).**

**Câu 2** (5,0 điểm) ***Kiểm tra kĩ năng vận dụng kiến thức Đọc – hiểu để viết bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ :***

- Giá trị nội dung, nghệ thuật của một bài thơ, đoạn thơ.

- Cảm nhận về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và tâm trạng của nhân vật trữ tình trong một bài thơ, đoạn thơ.

- Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ, đoạn thơ.

- Phân tích một đoạn thơ hoặc bài thơ để làm rõ phong cách sáng tác của tác giả.

# ---------------------------- Hết----------------------------